FireAnt

CTCP Đại lý Vận tải SAFI (HSX: SFI)

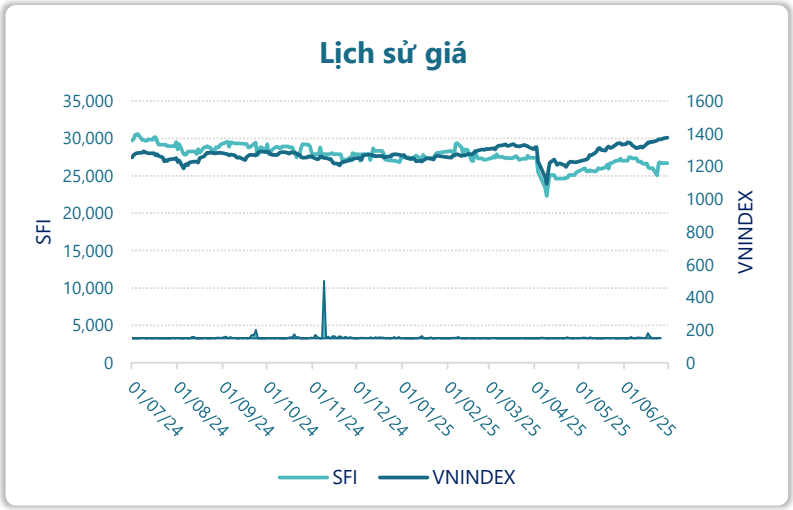

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**27,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,596
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,313
SL cổ phiếu LH	23,157,034
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,125
% sở hữu nước ngoài	5.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	641
P/E	7.6
EPS	3,630

DT thuần

Q2/25

282

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 38.0| 15.5%

YoY: ▲ 30.0| 11.8%

LN sau thuế

Q2/25

26.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.20| 45.7%

YoY: ▲ 4.10| 18.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.9%

+/- YoY: ▲ 1.4%

DT thuần

6T 2025

526

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 42.0| 8.6%

LN sau thuế

6T 2025

44.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.50| 14.3%

ROE

Q2/25

11.3%

+/- YoY: ▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh

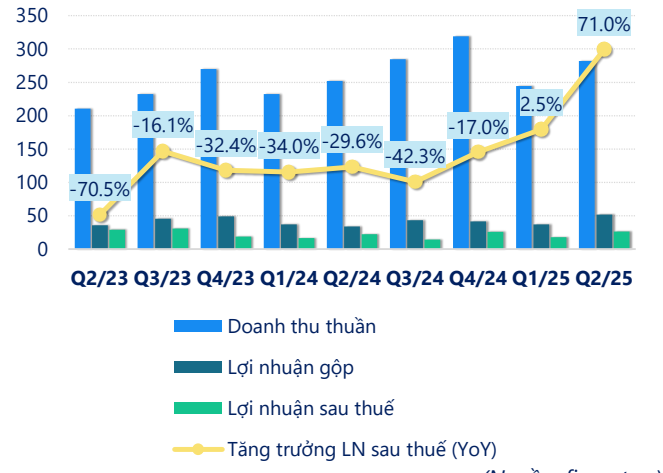

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

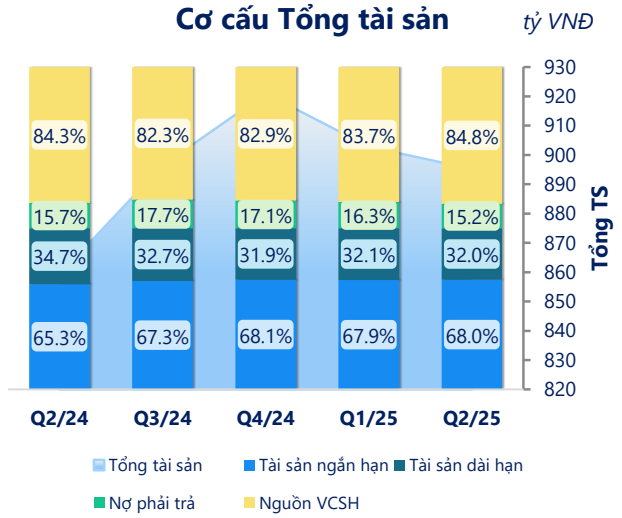

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

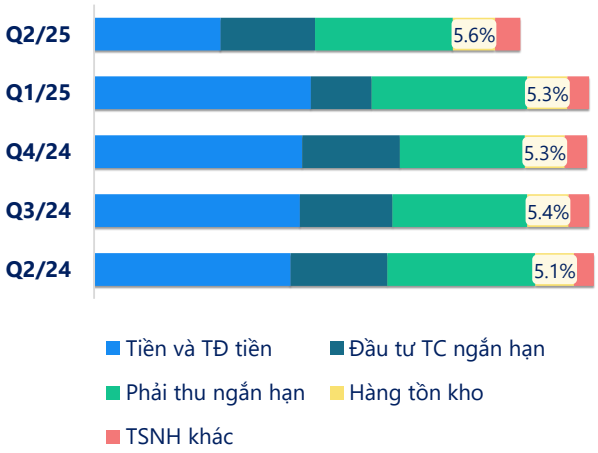

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

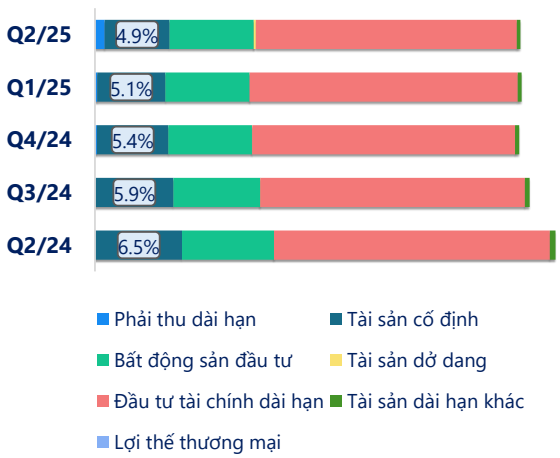

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

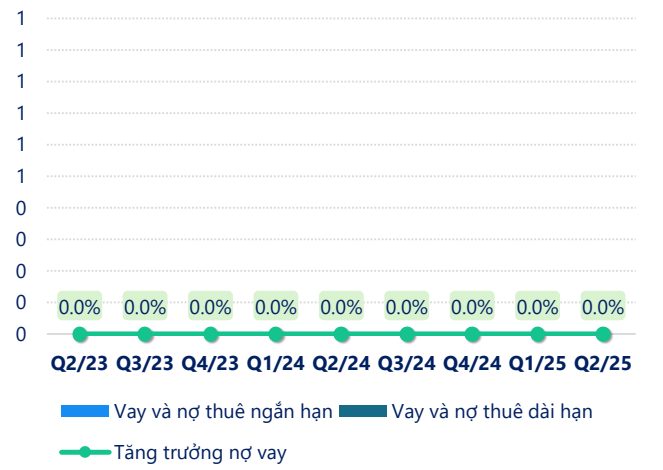

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

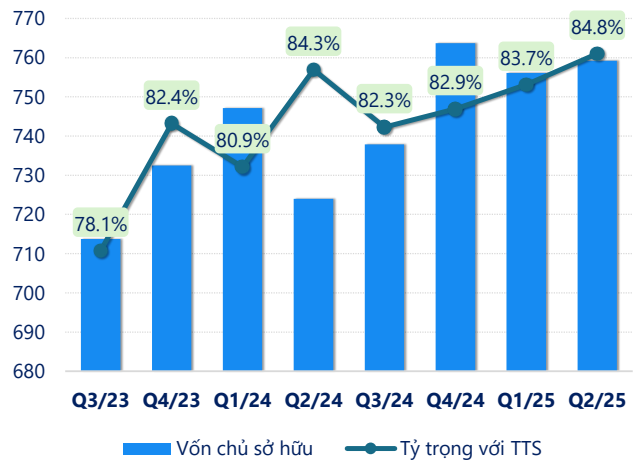

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

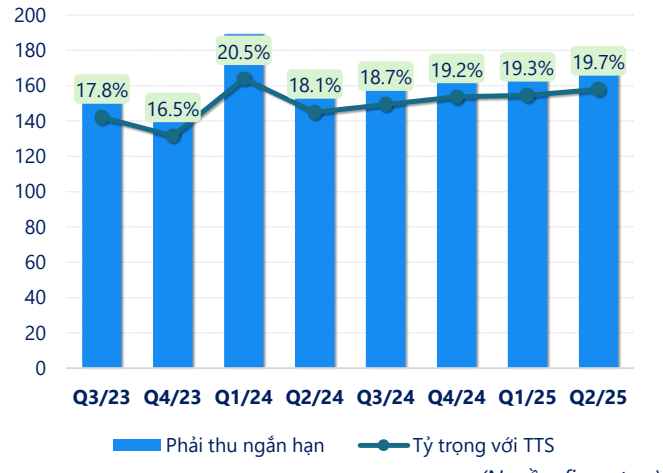

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

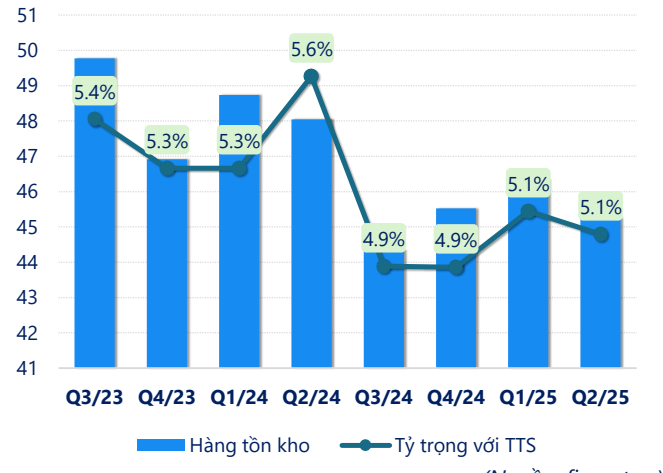

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

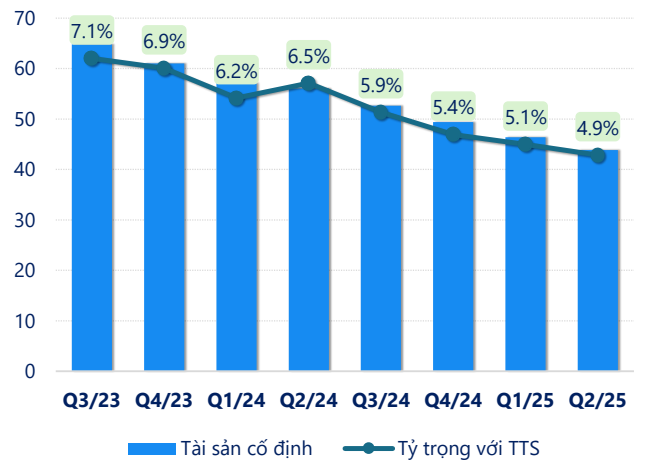

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

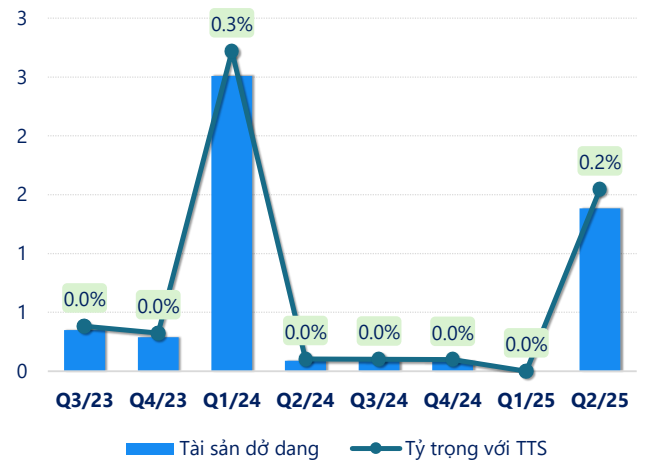

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

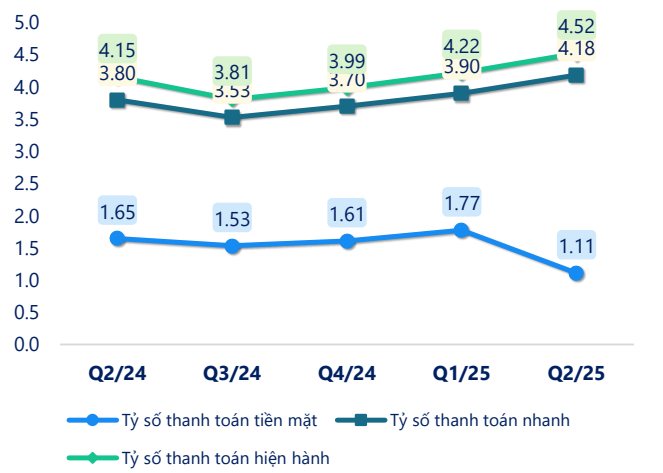

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

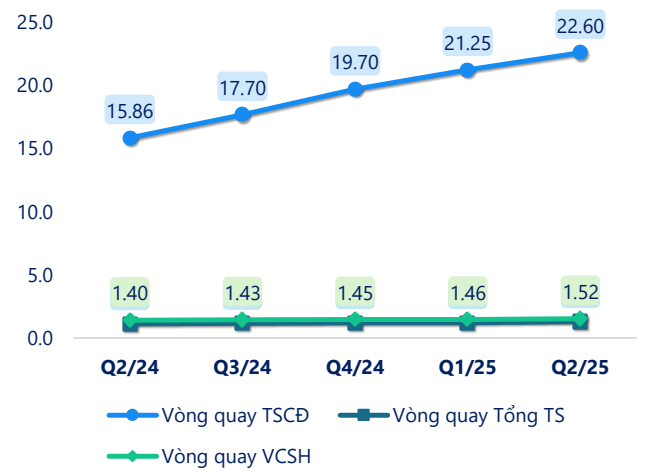

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**859**	**896**	**921**	**903**	**895**
Tài sản ngắn hạn	**561**	**603**	**627**	**613**	**609**
Tiền và tương đương tiền	222	243	252	258	149
Đầu tư tài chính ngắn hạn	107	121	124	103	206
Phải thu ngắn hạn	156	167	177	174	177
Hàng tồn kho	48.0	44.3	45.5	46.3	45.3
Tài sản ngắn hạn khác	28.5	28.2	28.5	31.5	31.7
Tài sản dài hạn	**298**	**293**	**294**	**290**	**287**
Phải thu dài hạn	0.25	0.25	1.46	1.46	6.46
Tài sản cố định	56.1	52.6	49.4	46.4	43.9
Bất động sản đầu tư	59.3	58.6	57.9	57.3	56.6
Tài sản dở dang	0.09	0.09	0.09	0	1.38
Đầu tư tài chính dài hạn	178	178	182	182	176
Tài sản dài hạn khác	3.67	3.30	2.95	2.65	2.45
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**135**	**159**	**157**	**147**	**136**
Nợ ngắn hạn	**135**	**159**	**157**	**145**	**135**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	113	138	136	125	112
Nợ dài hạn	0.09	0.09	0.09	1.40	1.38
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**724**	**738**	**764**	**756**	**759**
Vốn chủ sở hữu	**724**	**738**	**764**	**756**	**759**
Vốn điều lệ	249	249	249	249	249
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)